

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2020/DS - ST**

Ngày: 22-5-2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐHPT-ST ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng S (Ngân hàng S).

Địa chỉ trụ sở:

Người đại diện theo pháp luật: - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **NKB** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Long Biên (*Theo Giấy ủy quyền số 3990/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019*).

Ông **NKB** ủy quyền cho bà **PTT** và ông **NMT1** – Chuyên viên quản lý nợ.

*** Bị đơn:** 1. Ông **TXL**, sinh năm 1985.

2. Bà **HTT2**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xã **Trần Phú**, huyện **Chương Mỹ**, Thành phố **Hà Nội**

Tại phiên tòa:

- Bà Ông **NMT1** – Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S (Ngân hàng S)

Có mặt:

- Anh **TXL** và chị **HTT2** đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng S (Ngân hàng S); bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông **NMT1** trình bày:**

1. Về thỏa thuận tín dụng:

Ngày 27/11/2018, giữa Ông TXL và vợ là Bà HTT2 với Ngân hàng S – Chi nhánh Long Biên (gọi tắt là Ngân hàng S) ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 với giá trị cấp tín dụng là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe ô tô.

- Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng: 03 năm (36 tháng).

- Lãi suất: Lãi suất theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, theo quy định của Ngân hàng S và phù hợp với quy định pháp luật.

Ngày 05/12/2018, giữa Ông TXL + Bà HTT2 với Ngân hàng S đã ký kết văn bản Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 với nội dung sửa đổi Điều 8 của Hợp đồng tín dụng về Bảo đảm tiền vay là 01 Ô tô tải (tự đổ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212 và giấy hện lấy đăng ký xe biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên: TXL

2. Về biện pháp bảo đảm Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông L + bà T2 đã thế chấp tài sản là 01 Ô tô tải (tự đổ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212, biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên: TXL. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: LD1833000100/HĐTC ngày 05/12/2018. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/12/2018 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

3. Quá trình thực hiện hợp đồng:

+ Về phía Ngân hàng S: Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng S đã giải ngân cho ông L + bà T2 số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 theo đúng cam kết.

+ Về phía Ông TXL + Bà HTT2: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L + bà T2 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết và vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nên ngày 15/5/2019 Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay còn nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 21/5/2020, ông L + bà T2 mới thanh toán cho Ngân hàng S tiền gốc là 54.725.000 đồng, tiền lãi là 9.782.700 đồng.

Ngân hàng S đã nhiều lần đôn đốc ông L + bà T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết nhưng ông L + bà T2 không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng S nên ngày 15/5/2019 Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn theo như đã thỏa thuận.

Về số tiền còn nợ:

Tạm tính đến ngày 10/02/2020, dư nợ của ông L + bà T2 tại Ngân hàng S là 215.489.059 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 20.214.059 đồng.

Tạm tính đến ngày 21/5/2020, dư nợ của ông L + bà T2 tại Ngân hàng S là 223.674.370 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng.

Nay, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội:

Buộc ông L + bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng.

Ông ông L + bà T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh theo quy định tại Giấy nhận nợ và Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Buộc ông L + bà T2 phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Trong trường hợp ông L + bà T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L + bà T2 đối với Ngân hàng S. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L + bà T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng S.

**** Bị đơn là Ông TXL và Bà HTT2 cố tình vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông L, bà T2.***

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/4/2020, bà NTH3 là mẹ Ông TXL trình bày:*** Năm 2018, ông L + bà T2 có vay tiền ngân hàng để mua trả góp 01 chiếc xe ô tô tải để chở hàng thuê. Trong quá trình vay, theo bà được biết thời gian đầu, ông L + bà T2 vẫn trả tiền cho Ngân hàng đều đặn, nhưng từ tháng 8/2019 đến nay do công việc làm ăn khó khăn, khách hàng nợ tiền ông L dẫn đến việc ông L + bà T2 không trả được nợ với Ngân hàng, ông L + bà T2 cũng không đưa tiền cho bà để chi phí sinh hoạt hàng ngày. Đối với chiếc xe tải thì hàng ngày bà vẫn thấy ông L sử dụng để chở hàng.

**** Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:***

+ ***Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L + bà T2 thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng và buộc ông L + bà T2 phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng S. Trong trường hợp ông L + bà T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng S, Ngân hàng S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ

luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, quan điểm của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+ *Về khoản tiền nợ:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng S về yêu cầu buộc ông L + bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng.

+ *Về lãi suất:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi ông L + bà T2 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S.

+ *Về xử lý tài sản bảo đảm:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S được quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp ông L + bà T2 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng S.

+ *Về án phí:* Bị đơn (ông L + bà T2) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của bị đơn - Ông TXL và Bà HTT2:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – Ông TXL và Bà HTT2 đều cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 27/11/2018, giữa Ông TXL và vợ là Bà HTT2 với Ngân hàng S ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 với giá trị cấp tín dụng là 250.000.000 đồng. Ngân hàng S đã giải ngân cho ông L + bà T2 số tiền là 250.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông L + bà T2 đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng S khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu ông L + bà T2 thanh toán khoản nợ. Bị đơn – ông L + bà T2 đều cư trú tại xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng S xuất trình đầy đủ các bằng chứng về việc các bên giao kết

Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 giữa Ông TXL và vợ là Bà HTT2 với Ngân hàng S – Chi nhánh Long Biên. Về việc ông L + bà T2 vay tiền Ngân hàng để mua xe ô tô trả góp thì bà NTH3 (*mẹ của Ông TXL*) có biết và thừa nhận nên Hội đồng xét xử xác định việc ông L + bà T2 vay tiền Ngân hàng S là có thật.

[2.2]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ thanh toán nợ: Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 giữa ông L và vợ là bà T2 với Ngân hàng S là có thật, Hợp đồng các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L + bà T2 đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký. Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện buộc bên vay là ông L + bà T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trước hạn và trả khoản tiền gốc còn nợ, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ.

Ngân hàng S đã xuất trình đầy đủ bảng kê tính khoản tiền còn nợ (gốc, lãi) tạm tính đến ngày 21/5/2020. Do vậy, cần buộc ông L + bà T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng (*Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng*).

Kể từ ngày 21/5/2020, ông L + bà T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S

[2.3]. Về tài sản bảo đảm: Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng theo văn bản Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 được các bên thỏa thuận sửa đổi ngày 05/12/2018, giữa ông L + bà T2 với Ngân hàng S – Chi nhánh Long Biên và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/12/2018 giữa bên thế chấp là ông L + bà T2 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng S – Chi nhánh Long Biên. Đối tượng bảo đảm tín dụng là 01 Ô tô tải (tự đồ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212, biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên: TXL

[2.4]. *Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp*: Hợp đồng thế chấp nêu trên có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 292, 293, 294, 295 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Theo đó, các thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng S được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông L + bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận. Do vậy, trong trường hợp ông L + bà T2 không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng S, Ngân hàng S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế

chấp là: 01 Ô tô tải (tự đồ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212, biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên TXL để thu hồi số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng (*Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng*) và lãi tiền phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 kể từ ngày 21/05/2020 cho đến khi ông L + bà T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S.

Theo đó ông L + bà T2 có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông L + bà T2 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng S.

[3]. Về án phí.

+ Ông L và vợ là bà T2 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng S là 11.183.719 đồng.

+ Ngân hàng S được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) dự phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều Điều 292, 293, 294, 295 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S (Ngân hàng S) đối với Ông TXL và Bà HTT2 về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và dành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Buộc Ông TXL và Bà HTT2 phải trả cho Ngân hàng S (Ngân hàng S) tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng.

Kể từ ngày 21/5/2020, Ông TXL và Bà HTT2 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 cho đến khi Ông TXL và Bà HTT2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S (Ngân hàng S).

3. Trong trường hợp Ông TXL và Bà HTT2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S (Ngân hàng S), Ngân hàng S (Ngân hàng S) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: 01 Ô tô tải (tự đổ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212, biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên TXL để thu hồi số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2020 là 223.674.370 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 195.275.000 đồng; nợ lãi: 28.399.370 đồng và lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1833000100 ngày 27/11/2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 27/11/2018 kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi Ông TXL và Bà HTT2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng S (Ngân hàng S).

Theo đó Ông TXL và Bà HTT2 có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là 01 Ô tô tải (tự đổ), hiệu DONGFENG, số khung: BA3XG1816762, số máy: 3J1EE2G30212, biển kiểm soát số: 29C-722.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 531040 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2018 mang tên Ông TXL để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ông TXL và Bà HTT2 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng S (Ngân hàng S).

4. Về án phí:

+ Ông TXL và vợ là Bà HTT2 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 11.183.719 đồng (*Mười một triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm mười chín đồng*).

+ Hoàn trả Ngân hàng S số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) dự phí đã nộp (theo *Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004512 ngày 09/01/2020*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng có thể thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

+ Ngân hàng S được quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông TXL và Bà HTT2 có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hà Nội;
- VKSND H.Chương Mỹ;
- Chi cục THA H.Chương Mỹ;
- Lưu HSVA – VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long